

Số: /BC-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 11 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**Thuyết minh quyết toán thu - chi ngân sách năm 2023**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2529/QĐ-BTC ngày 07/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ các văn bản của Bộ Tài chính: số 9700/BTC-NSNN ngày 23/9/2022 về việc chuẩn bị cho công tác quyết toán ngân sách nhà nước từ năm 2021 trở đi; số 12464/BTC-NSNN ngày 14/11/2023 về việc chuẩn bị cho công tác tổng hợp quyết toán ngân sách địa phương từ năm 2022;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ thu, chi, quyết toán ngân sách địa phương năm 2023 đã đối chiếu với Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn (UBND) báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023 như sau:

**I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành NSNN năm 2023**

Trong bối cảnh kinh tế của tỉnh tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, nỗ lực khắc phục những vấn đề hậu Covid-19 để phục hồi nền kinh tế, thực hiện các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện nhiệm vụ về NSNN năm 2023 với mục tiêu hoàn thành cao nhất dự toán được giao; thực hiện đồng bộ các giải pháp chỉ đạo, điều hành<sup>1</sup> đáp ứng yêu cầu công tác quản lý thu, chi ngân sách, tăng cường quản lý tài sản, kiểm soát chặt giá, thị trường; tổ chức kiểm tra công tác triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 trên địa bàn các huyện, thành phố. Tổ chức Hội nghị trực tuyến 3 cấp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ tài chính ngân sách năm 2023. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công<sup>2</sup>, vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) đảm bảo theo tỷ lệ, thời gian quy định.

<sup>1</sup> Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023; Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Lạng Sơn năm 2023.

<sup>2</sup> Quyết định số 1134-QĐ/TU ngày 06/01/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, thuộc diện Ban Chỉ đạo thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh chỉ đạo; Quyết định số 130/QĐ-UBND

UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thu ngân sách các cấp đã tập trung tăng cường công tác quản lý thu NSNN, rà soát các nguồn thu trên địa bàn; tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp tổ chức thực hiện, kiểm soát, quản lý các khoản thu, các nguồn thu, lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn; đẩy mạnh công tác chống thất thu thuế, chống chuyển giá, trốn thuế, tăng cường các biện pháp xử lý nợ thuế; thực hiện quyết liệt công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả cả trong nội địa và khu vực biên giới; tổ chức các hội nghị gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp để lắng nghe, tiếp thu và giải quyết kịp thời những vấn đề vướng mắc của doanh nghiệp.

Chỉ đạo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, Cục Hải quan, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, các cơ quan liên quan đẩy mạnh các giải pháp nâng cao năng lực thông quan, cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp để tạo thuận lợi nhất cho hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh (ngay sau khi Trung Quốc thay đổi chính sách phòng, chống dịch Covid-19 từ ngày 08/01/2023).

UBND tỉnh chỉ đạo<sup>3</sup> các đơn vị dự toán, các huyện, thành phố phân bổ dự toán chi ngân sách đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, quy định của Trung ương, của tỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách gắn với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả NSNN; điều hành chi ngân sách nhà nước chủ động, linh hoạt, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, theo đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ; ưu tiên dành nguồn kinh phí cho công tác phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả thiên tai và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách của tỉnh; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách. Quán triệt các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện nghiêm túc Kết luận số 321-KL/TU ngày 14/11/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra và kiến nghị của Kiểm toán nhà nước.

## **II. Về thu ngân sách**

### **1. Thu NSNN trên địa bàn**

Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 7.807.885 triệu đồng, bằng 96,5% dự toán Trung ương giao, bằng 95,2% dự toán tỉnh giao, trong đó:

*1.1. Thu nội địa: thực hiện 2.681.979 triệu đồng (bao gồm cả thu từ tiền sử dụng đất 327.040 triệu đồng; thu xổ số kiến thiết 15.108 triệu đồng), đạt 128,1%*

---

ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Đoàn kiểm tra và ban hành Kế hoạch kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng năm 2023; Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 02/02/2023 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo, cơ chế điều hành và danh mục các dự án trọng điểm năm 2023; Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung danh mục các dự án trọng điểm năm 2023 (lần 2); Công văn số 535/UBND-KT ngày 08/5/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư năm 2023...

<sup>3</sup> Công văn số 949/UBND-KT ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh về việc chấn chỉnh, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong việc chấp hành pháp luật về tài chính - ngân sách nhà nước; Công văn số 1149/UBND-KT ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/2023/QH15 của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021; Công văn số 1623/UBND-KT ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội về Phiên giải trình việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước đến hết niên độ ngân sách nhà nước năm 2021...

dự toán Trung ương giao, đạt 121,9% dự toán tỉnh giao. Thu nội địa không tính thu tiền sử dụng đất và xổ số kiến thiết là 2.339.831 triệu đồng, đạt 148% dự toán Trung ương giao, đạt 138,7% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó:

**\* Có 10 khoản thu đạt và vượt dự toán giao, cụ thể:**

(1) *Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh*: thực hiện 498.137 triệu đồng, bằng 111,7% dự toán giao; nguyên nhân khoản thu này đạt cao: do trong năm thu được 31.600 triệu đồng tiền thuế của các Doanh nghiệp được gia hạn năm 2022 theo Nghị định số 34/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ<sup>4</sup> chuyển sang, tăng 19.000 triệu đồng tiền thuế GTGT so với cùng kỳ năm 2022 của Công ty cổ phần Hữu nghị Xuân Cương do trong năm 2023 tình hình kinh doanh đi vào ổn định, phía Trung Quốc đã có chính sách nới lỏng kiểm soát dịch Covid 19...

(2) *Lệ phí trước bạ*: thực hiện 145.872 triệu đồng, bằng 105,7% dự toán giao. Trong đó: lệ phí trước bạ ô tô là 112.087 triệu đồng, chiếm tỷ trọng 76,8% trong tổng thu lệ phí trước bạ; nguyên nhân khoản thu này đạt cao: Chính phủ ban hành Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 quy định mức thu giảm 50% lệ phí trước bạ lần đầu đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô sản xuất, lắp ráp trong nước từ ngày 01/7/2023 đến ngày 31/12/2023 nên số lượng xe ô tô mua mới 06 tháng cuối năm tăng.

(3) *Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: thực hiện 9.139 triệu đồng, đạt 228,5% dự toán giao; nguyên nhân khoản thu này đạt cao: do Chi cục Thuế các huyện, thành phố đã phối hợp với UBND các phường, xã, thị trấn thực hiện tốt công tác thu nợ tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước, thực hiện thu dứt điểm đối với các hộ chuyên nhượng quyền sử dụng đất nhưng chưa kê khai nộp thuế.

(4) *Thuế thu nhập cá nhân*: thực hiện 132.770 triệu đồng, bằng 126,4% dự toán giao; nguyên nhân thực hiện tăng so với dự toán: do trong năm 2023 có phát sinh thuế thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân của một số doanh nghiệp như Công ty cổ phần Hữu Nghị Xuân Cương nộp 13.100 triệu đồng, Công ty TNHH sản xuất và cung ứng dịch vụ Lạng Sơn nộp 1.600 triệu đồng.

(5) *Thu phí, lệ phí*: thực hiện 687.350 triệu đồng, đạt 361,8% dự toán Trung ương giao, đạt 232,2% dự toán tỉnh giao; nguyên nhân khoản thu này đạt cao: từ đầu năm 2023, tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, Trung Quốc tối ưu hóa các biện pháp quản lý đồng bộ, đảm bảo nhanh chóng khôi phục vận chuyển hàng hóa tại các cửa khẩu như trước khi dịch bệnh diễn ra; thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu là 595.965 triệu đồng, đạt 596% dự toán Trung ương giao, đạt 289,3% dự toán tỉnh giao, chiếm tỷ trọng lớn (86,7%) thu phí, lệ phí.

---

<sup>4</sup> Nghị định gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất năm 2022.

(6) *Thu khác ngân sách*: thực hiện 327.088 triệu đồng, đạt 233,6% dự toán giao, bao gồm: thu tiền phạt 128.280 triệu đồng (*trong đó thu phạt vi phạm an toàn giao thông là 74.074 triệu đồng*); thu tịch thu 26.901 triệu đồng; thu tiền cho thuê, bán tài sản 38.152 triệu đồng; thu hồi các khoản chi năm trước 72.053 triệu đồng; các khoản thu khác còn lại 61.702 triệu đồng.

Số thu đạt cao do phát sinh một số khoản thu trong năm như: khoản thu hồi các khoản chi năm trước 72.053 triệu đồng<sup>5</sup> là khoản thu thực hiện theo kết luận kiểm toán, thanh tra (*khoản thu này được theo dõi và nộp trả về ngân sách cấp trên đối với các chế độ chính sách*); Sở Xây dựng nộp ngân sách nhà nước khoản tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước từ tài khoản tạm giữ chờ xử lý: 8.691 triệu đồng; các khoản thu khác còn lại 61.702 triệu đồng<sup>6</sup>; các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính, thu tịch thu, chỉ tính riêng khoản thu tiền phạt, tịch thu do cơ quan Trung ương thực hiện là 130.402 triệu đồng, tăng 47.402 triệu đồng so với dự toán giao thu khác ngân sách trung ương (trong khi số giao thu đầu năm bao gồm cả các khoản thu khác), đặc biệt trong lĩnh vực an toàn giao thông, số thu phạt an toàn giao thông là 74.073 triệu đồng, tăng so với dự toán tính giao là 24.073 triệu đồng; ...

(7) *Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản*: thực hiện 58.016 triệu đồng, đạt 138,1% dự toán giao; số thực hiện tăng so với dự toán là do một số doanh nghiệp nộp số tiền nợ, cụ thể: Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn nộp 500 triệu đồng; Công ty cổ phần Mỏ Đá Môi Trường PT nộp 4.400 triệu đồng; Công ty TNHH MTV kinh doanh vật liệu xây dựng Thành Đạt nộp 500 triệu đồng; Công ty TNHH Hồng Phong nộp 600 triệu đồng...

(8) *Thu hồi vốn, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế*: thực hiện 7.839 triệu đồng, đạt 783,9% dự toán giao, trong đó thu hồi vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần xi măng Hồng Phong 5.304 triệu đồng và thu cổ tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp 2.535 triệu đồng<sup>7</sup>.

(9) *Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết*: thực hiện 15.108 triệu đồng, đạt 116,2% dự toán giao, trong đó số thu nộp ngân sách của Công ty TNHH MTV Xổ số điện toán Việt Nam (Vietlott) là 5.563 triệu đồng.

---

<sup>5</sup> Trong đó: gồm thu hồi kinh phí cấp chi lương đã kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh: 28.015 triệu đồng, thu hồi kinh phí tiền lương, cải cách tiền lương: 2.404 triệu đồng, khoản thu hồi hoàn trả NSNN số kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển sản phẩm cho Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Sao Bắc Việt 15.579 triệu đồng, thu hồi kinh phí chi giải phóng mặt bằng Dự án Chợ nông sản và Khu dân cư thị trấn Chi Lăng: 9.118 triệu đồng...

<sup>6</sup> Trong đó: Bệnh viện Đa khoa tỉnh nộp tiền chênh lệch số thu dịch vụ theo kết luận của Thanh tra tỉnh là 10.000 triệu đồng; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa là 11.548 triệu đồng (trong đó: Công ty Than Na Dương - VVMI – Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc nộp 10.067 triệu đồng, còn lại là số nộp của các hộ gia đình, cá nhân); Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn trả vốn còn dư không sử dụng Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn vốn vay WB: 9.239 triệu đồng; Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn nộp tiền giá dịch vụ thoát nước 10.906 triệu đồng; các đơn vị thuộc UBND thành phố nộp NSNN kinh phí cải cách tiền lương, hoàn trả vốn sự nghiệp kinh tế khác: 2.972 triệu đồng...

<sup>7</sup> Bao gồm: Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn: 111 triệu đồng, Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn: 1.071 triệu đồng, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn: 1.353 triệu đồng.

(10) *Tiền thuê mặt đất, mặt nước*: thực hiện 91.839 triệu đồng<sup>8</sup>, đạt 141,3% dự toán giao; nguyên nhân số thu tăng: dù bị ảnh hưởng các chính sách giảm, gia hạn tiền thuê đất của Trung ương<sup>9</sup>, nhưng số thu vẫn vượt dự toán do thực hiện thu tiền thuê đất 1 lần cho cả thời gian thuê của khu đất Bệnh viện Đa khoa (cũ).

**\* Có 01 khoản thu không giao dự toán nhưng phát sinh số thu**

Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: thực hiện 25 triệu đồng, phát sinh trên địa bàn huyện Trảng Định<sup>10</sup>.

**\* Có 05 khoản thu không đạt so với dự toán HĐND tỉnh giao**

(1) *Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý*: thực hiện 235.247 triệu đồng, đạt 94,1% dự toán giao; nguyên nhân số thu đạt thấp: hụt thu ở khu vực này tập trung ở một số doanh nghiệp có số thu chiếm tỷ trọng lớn như: Tổng Công ty Mỏ công nghiệp Việt Bắc TKV-CTCP, Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP (*Tổng Công ty của Công ty Nhiệt điện Na Dương*)<sup>11</sup>, Viettel Lạng Sơn<sup>12</sup>, Công ty Điện lực Lạng Sơn<sup>13</sup>; Công ty Bảo hiểm Bưu điện Lạng Sơn<sup>14</sup>...

(2) *Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý*: thực hiện 30.050 triệu đồng, đạt 93,9% dự toán giao; nguyên nhân số thu đạt thấp: số thu từ khu vực này chủ yếu ở 03 công ty<sup>15</sup>; các đơn vị còn lại<sup>16</sup> thuộc loại hình kinh doanh bị ảnh hưởng lớn do dịch bệnh và phục hồi chậm.

(3) *Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*: thực hiện 7.157 triệu đồng, đạt 89,5% dự toán giao; nguyên nhân số thu đạt thấp: số thu từ khu vực này chủ yếu từ Công ty cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ, năm 2023 Công ty đầu tư

<sup>8</sup> Đã bao gồm số thu tiền thuê mặt đất, mặt nước từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 2 triệu đồng.

<sup>9</sup> Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid – 19: 9,136 tỷ đồng; Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất của năm 2023: 4,9 tỷ đồng; gia hạn tiền thuê đất hằng năm theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023: 7,9 tỷ đồng.

<sup>10</sup> Kinh phí cho thuê nhà vắng chủ thời kỳ 1978 – 1979 đã xác lập sở hữu toàn dân do Nhà nước quản lý.

<sup>11</sup> Năm 2023, Tổng công ty sáp nhập thêm Công ty Điện lực Cẩm Phả, số lỗ của doanh nghiệp này vẫn còn 402 tỷ đồng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của cả Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty không có kế hoạch phân bổ thuế cho địa phương.

<sup>12</sup> Trong tổng doanh thu của doanh nghiệp, doanh thu thẻ cào chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2023, khoản doanh thu này không phát sinh tại Lạng Sơn mà hạch toán về Tổng Công ty.

<sup>13</sup> Doanh nghiệp kê khai thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ theo phân bổ từ Tổng công ty điện lực miền Bắc, do đó không phát sinh số tiền thuế phải nộp.

<sup>14</sup> Doanh thu bán bảo hiểm ô tô và xe máy giảm (Hoạt động bảo hiểm gặp khó khăn trong cạnh tranh, không bán được hàng do phần lớn các cửa hàng bán xe, ngân hàng có liên kết với các hãng bảo hiểm khác hoặc có hãng bảo hiểm riêng).

<sup>15</sup> Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn, Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn, Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn.

<sup>16</sup> Chủ yếu thu từ các đơn vị nhà khách, Trung tâm Thi đấu thể thao, rạp chiếu phim, Trung tâm Biểu diễn nghệ thuật....

nhà xưởng, máy móc, số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ nhiều nên chưa phát sinh số nộp; các doanh nghiệp còn lại hoạt động cầm chừng, số thu thấp.

(4) *Thuế bảo vệ môi trường*: thực hiện 109.302 triệu đồng, bằng 68,3% dự toán giao; nguyên nhân số thu đạt thấp: do áp dụng mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo Nghị quyết số 30/2022/UBTVQH15 ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (giảm 109 tỷ đồng).

(5) *Tiền sử dụng đất*: thực hiện 327.040 triệu đồng, đạt 65,4% dự toán giao, trong đó: cấp tỉnh dự toán giao 316.500 triệu đồng, thực hiện 23.697 triệu đồng, bằng 7,5% dự toán<sup>17</sup>; cấp huyện dự toán giao 183.500 triệu đồng, thực hiện 303.343 triệu đồng, bằng 165,3% dự toán, chủ yếu từ đầu giá quyền sử dụng đất, thu chuyển mục đích sử dụng đất<sup>18</sup>.

#### **\* Công tác thu nợ và xóa nợ thuế**

Cục Thuế tỉnh đã quyết liệt thực hiện theo các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Tổng cục Thuế, đã giao chỉ tiêu thu nợ, thực hiện các biện pháp đôn đốc, thu hồi nợ thuế, chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các biện pháp quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế theo quy định, kết quả thực hiện khoanh nợ<sup>19</sup> và xóa nợ<sup>20</sup>.

1.2. *Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu*: thực hiện 5.105.813 triệu đồng, đạt 85,1% dự toán giao.

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo quyết liệt các giải pháp, lãnh đạo UBND tỉnh đã chủ trì thăm và làm việc với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh để tiếp tục thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh<sup>21</sup>. Các lực lượng chức năng tăng

<sup>17</sup> Hụt thu do: tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, nhiều dự án tổ chức bán đấu giá nhưng không có khách hàng tham gia; dự án điều chỉnh, mở rộng khu đô thị Nam Hoàng Đông I đã giao đất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án, tuy nhiên việc giao đất lần hai (thu tiền sử dụng đất) để nhà đầu tư kinh doanh sẽ thực hiện sau khi nhà đầu tư xây dựng xong hạ tầng theo dự án được phê duyệt. Ngoài ra, đối với khu đất 12% Phú Lộc III, lô đất T.M.D.V.1 CQ 3 tại khu tái định cư và dân cư Nam thành phố chưa thực hiện đấu giá được do còn phải thực hiện đối trừ quỹ đất và cập nhập, bổ sung danh mục đấu giá quyền sử dụng đất vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

<sup>18</sup> Một số huyện có số thu cao như: thành phố Lạng Sơn 121.656 triệu đồng, huyện Hữu Lũng 43.417 triệu đồng, huyện Cao Lộc 37.985 triệu đồng, huyện Lộc Bình 26.786 triệu đồng, huyện Chi Lăng 20.344 triệu đồng, huyện Bắc Sơn 18.253 triệu đồng, huyện Đình Lập 16.066 triệu đồng, huyện Tràng Định 8.550 triệu đồng, huyện Văn Quan 6.955 triệu đồng.

<sup>19</sup> Kết quả khoanh nợ: (i) Theo Nghị quyết số 94/2019/QH14: Cục Thuế đã khoanh nợ 215 triệu đồng/67 người nộp thuế (NNT), trong đó: Doanh nghiệp, tổ chức: 10 triệu đồng/02 NNT; Cá nhân, hộ kinh doanh: 205 triệu đồng/65 NNT.(ii) Theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14: Cục Thuế đã khoanh nợ 15.826 triệu đồng/201 NNT, trong đó: doanh nghiệp, tổ chức: 15.350 triệu đồng/123 NNT; cá nhân, hộ kinh doanh: 476 triệu đồng/78 NNT.

<sup>20</sup> Kết quả xóa nợ: Năm 2023, Cục Thuế thực hiện xóa nợ 7.544 triệu đồng/776 NNT theo Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 02/6/2023 của UBND tỉnh về việc xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp, trong đó: doanh nghiệp, tổ chức: 7.115 triệu đồng/250 NNT; cá nhân, hộ kinh doanh: 429 triệu đồng/526 NNT.

<sup>21</sup> Thông báo kết luận số 113/TB-UBND ngày 22/3/2023 của UBND tỉnh tại chuyến thăm và làm việc tại các tập đoàn, doanh nghiệp lớn có hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh để bàn các giải pháp tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu; Thông báo số

cường công tác thông tin trao đổi, hội đàm với phía Trung Quốc về các giải pháp tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thông thương hàng hoá. Nền tảng cửa khẩu số tiếp tục được hoàn thiện để nâng cao hiệu quả quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động xuất nhập khẩu gắn với cải cách hành chính, tự động hóa quy trình, giảm thiểu thời gian cho doanh nghiệp tham gia xuất nhập khẩu, đồng bộ việc quản lý, kiểm tra và giám sát về phương tiện, hàng hoá.

*1.3. Thu viện trợ:* thực hiện 2.657 triệu đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: 2.250 triệu đồng<sup>22</sup>.

- Cấp huyện: 407 triệu đồng<sup>23</sup>.

*1.4. Các khoản huy động, đóng góp:* 17.436 triệu đồng, trong đó:

- Cấp tỉnh: 10.405 triệu đồng<sup>24</sup>.

- Cấp huyện: 7.031 triệu đồng<sup>25</sup>.

**2. Khoản thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên:** 373.100 triệu đồng.

*2.1. Ngân sách tỉnh hoàn trả ngân sách Trung ương:* 230.553 triệu đồng, trong đó:

- Kinh phí cải cách tiền lương dư năm 2021: 188.978 triệu đồng;

- Kinh phí ứng trước dự án Trường bắn TB1: 4.967 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện chế độ chính sách Trung ương: 1.898 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ chi phí vận chuyển còn dư của dự án Nhà máy chế biến gỗ công nghệ cao Lạng Sơn: 30.579 triệu đồng;

- Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững: 1.022 triệu đồng;

- Kinh phí hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022: 1.260 triệu đồng;

- Vốn đầu tư các công trình, dự án: 1.830 triệu đồng;

- Kinh phí phòng, chống dịch Covid-19: 19 triệu đồng;

192/TB-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh về xem xét nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, đảm bảo dự toán thu NSNN từ hoạt động xuất nhập khẩu.

<sup>22</sup> Bao gồm: dự án Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và đẩy mạnh sự tham gia của học sinh, giáo viên và hội viên phụ nữ trong công tác bảo vệ môi trường tại tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2022 – 2024: 1.351 triệu đồng; dự án Phòng, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS: 316 triệu đồng; Lô vật tư y tế của Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam trao tặng: 584 triệu đồng.

<sup>23</sup> Dự án Hỗ trợ phát triển bền vững cộng đồng dân cư tại xã Trấn Yên, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

<sup>24</sup> Bao gồm: tỉnh Bắc Ninh hỗ trợ hộ nghèo đơn tét: 500 triệu đồng; tỉnh Đồng Nai hỗ trợ làm nhà cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo: 2.000 triệu đồng; Hội Nông dân nộp tiền huy động để hỗ trợ người có công với cách mạng: 17 triệu đồng, các doanh nghiệp tài trợ kinh phí lập quy hoạch: 7.888 triệu đồng (Tổng Công ty VIGLACERA: 7.500 triệu đồng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Quản lý dự án Thăng Long: 338 triệu đồng, Công ty cổ phần Hoàng Yên Trang: 50 triệu đồng).

<sup>25</sup> Trong đó: huyện Hữu Lũng: 3.823 triệu đồng, huyện Chi Lăng: 1.045 triệu đồng, thành phố Lạng Sơn: 660 triệu đồng, huyện Lộc Bình: 500 triệu đồng, huyện Bắc Sơn: 1.003 triệu đồng; các huyện, thành phố thu huy động, đóng góp thực hiện một số nhiệm vụ như xây dựng Đền Chi Lăng, tài trợ lập, điều chỉnh quy hoạch, sửa chữa cơ sở vật chất....

2.2. Ngân sách cấp huyện hoàn trả ngân sách tỉnh: 130.441 triệu đồng, trong đó:

- Huyện Hữu Lũng: 16.166 triệu đồng<sup>26</sup>;
- Huyện Chi Lăng: 10.355 triệu đồng<sup>27</sup>;
- Thành phố Lạng Sơn: 7.379 triệu đồng<sup>28</sup>;
- Huyện Cao Lộc: 7.256 triệu đồng<sup>29</sup>;
- Huyện Lộc Bình: 15.763 triệu đồng<sup>30</sup>;
- Huyện Đình Lập: 9.916 triệu đồng<sup>31</sup>;
- Huyện Văn Lãng: 2.269 triệu đồng<sup>32</sup>;
- Huyện Tràng Định: 10.583 triệu đồng<sup>33</sup>;
- Huyện Văn Quan: 14.246 triệu đồng<sup>34</sup>;
- Huyện Bình Gia: 27.956 triệu đồng<sup>35</sup>;
- Huyện Bắc Sơn: 8.552 triệu đồng<sup>36</sup>;

---

<sup>26</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 9.871 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 5.808 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 487 triệu đồng.

<sup>27</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.262 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 3.281 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 5.345 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ nhà ở bị thiệt hại do thiên tai: 450 triệu đồng; kinh phí phổ cập giáo dục 17 triệu đồng.

<sup>28</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 197 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 7.182 triệu đồng.

<sup>29</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.947 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 5.309 triệu đồng.

<sup>30</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 2.394 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 11.270 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 1.983 triệu đồng; kinh phí Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lộc Bình: 116 triệu đồng.

<sup>31</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 3.872 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 4.825 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 583 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ các hộ dân bị thiệt hại do thiên tai 126 triệu đồng; kinh phí chế độ, chính sách, nhiệm vụ của tỉnh hết nhiệm vụ chỉ 506 triệu đồng, kinh phí chương trình lâm nghiệp bền vững: 4 triệu đồng

<sup>32</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.744 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 15 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 là 510 triệu đồng.

<sup>33</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.840 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 4.487 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 969 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 là 523 triệu đồng; kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại về cơ sở hạ tầng giao thông 10 tháng đầu năm 2022 là 97 triệu đồng; kinh phí chế độ chính sách hết nhiệm vụ chỉ 2.667 triệu đồng.

<sup>34</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.557 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 8.897 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 là 2.875 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 là 917 triệu đồng.

<sup>35</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 2.311 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 24.053 triệu đồng; kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai 10 tháng đầu năm 2022 709 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2022 883 triệu đồng.

<sup>36</sup> Trong đó: kinh phí tiền lương kết cấu trong giá dịch vụ khám chữa bệnh 1.222 triệu đồng; kinh phí thực hiện cải cách tiền lương 6.305 triệu đồng; kinh phí thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững



2.3. *Ngân sách xã hoàn trả ngân sách huyện*: 12.106 triệu đồng, bao gồm: kinh phí thực hiện các chế độ chính sách; kinh phí cải cách tiền lương, kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG<sup>37</sup>.

### 3. Vay của ngân sách địa phương

Vay của ngân sách địa phương là 17.509 triệu đồng<sup>38</sup>, đạt 60,4% so với dự toán giao. Vay của ngân sách địa phương theo hình thức vay lại các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước không đạt dự toán giao do: tiến độ thi công, giải ngân vốn của một số dự án chưa theo kế hoạch được duyệt; thực hiện quy trình nghiệm thu, thủ tục xin rút vốn chậm; công tác tổng hợp, thẩm định, trình điều chỉnh, gia hạn Hiệp định các dự án ODA của các Bộ, ngành Trung ương chưa kịp thời.

### 4. Một số hạn chế trong thu NSNN

- Tổng thu nội địa năm 2023 đạt dự toán tỉnh giao, tuy nhiên có 06 khoản thu chưa đạt dự toán giao (bao gồm: 05 khoản thu nội địa và thu xuất nhập khẩu), trong đó có khoản thu tiền sử dụng đất, ảnh hưởng đến nguồn thực hiện nhiệm vụ chi theo dự toán và phải điều chỉnh dự toán để đảm bảo cân đối ngân sách.

- Việc thực hiện đấu giá một số khu đất, tài sản công và tiến độ thu tiền sử dụng đất còn chậm, thực hiện không đạt kế hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ và kết quả giải ngân vốn đầu tư công. Công tác khai thác nguồn thu mới còn hạn chế.

- Công tác quản lý, thu hồi nợ thuế mặc dù được tăng cường thực hiện tuy nhiên số nợ thuế do ngành thuế quản lý còn lớn. Tổng nợ thuế đến 31/12/2023 là 620.670 triệu đồng, trong đó: các khoản nợ thuế thu nội địa 429.878 triệu đồng (*nợ có khả năng thu 176.020 triệu đồng, nợ đang xử lý: 6.813 triệu đồng; nợ khó thu: 247.045 triệu đồng*); nợ thuế hoạt động xuất nhập khẩu 190.792 triệu đồng. Việc rà soát, trình xử lý số nợ thuế hoạt động xuất nhập khẩu thuộc đối tượng xóa và khoan nợ theo quy định còn chậm (tổng số nợ thuế xuất nhập khẩu xử lý trong năm là 12.008 triệu đồng); việc triển khai thực hiện các Đề án chống thất thu thuế chưa có chuyển biến rõ nét.

### 5. Nguyên nhân của hạn chế

- Quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh yếu; tăng trưởng kinh tế chưa bền vững, phụ thuộc nhiều vào cơ chế, chính sách điều hành, điều tiết của Trung ương và các yếu tố khách quan khác. Các doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là

---

năm 2022 là 965 triệu đồng; kinh phí thực hiện Nghị quyết 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh là 60 triệu đồng.

<sup>37</sup> Chi tiết ngân sách cấp xã nộp ngân sách cấp huyện như sau: huyện Chi Lăng 99 triệu đồng; thành phố Lạng Sơn 3.653 triệu đồng; huyện Cao Lộc 2.624 triệu đồng; huyện Lộc Bình 97 triệu đồng; huyện Đình Lập 1.833 triệu đồng; huyện Văn Lãng 139 triệu đồng; huyện Tràng Định 1.302 triệu đồng; huyện Văn Quan 151 triệu đồng; huyện Bình Gia 1.058 triệu đồng; huyện Bắc Sơn 1.150 triệu đồng.

<sup>38</sup> Trong đó: (1) dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP): 4.476 triệu đồng; (2) Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn: 153 triệu đồng; (3) dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 03 huyện Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình: 135 triệu đồng; (4) dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập: 832 triệu đồng; (5) dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn: 11.913 triệu đồng.

các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa có những doanh nghiệp lớn; việc thiếu mặt bằng sản xuất, chất lượng nguồn nhân lực thấp, vị trí ít thuận lợi cho thu hút đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nên chưa tạo ra được sự tăng trưởng cao, nguồn thu lớn và ổn định. Sau dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của một bộ phận doanh nghiệp, hộ kinh doanh vẫn còn khó khăn, thị trường thu hẹp, đơn hàng giảm, khả năng tiếp cận nguồn vốn còn hạn chế, chi phí vốn tăng; các vấn đề về năng lực, hiệu quả, năng suất lao động sau dịch bệnh vẫn chưa phục hồi hoàn toàn, giá nhiên liệu và các nguyên liệu đầu vào vẫn còn ở mức cao, dẫn đến doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp giảm. Đồng thời, trong năm, một số doanh nghiệp thay đổi phương thức sản xuất kinh doanh, sản lượng đầu ra giảm, tác động giảm số thu ngân sách<sup>39</sup>.

- Việc triển khai thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất chưa được tính trong dự toán, làm giảm nguồn thu nội địa trên 320 tỷ đồng<sup>40</sup>. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại của Việt Nam, cũng như các chính sách kiểm soát của phía Trung Quốc, số thu xuất nhập khẩu qua địa bàn giảm 300 tỷ đồng.

- Thị trường bất động sản trầm lắng dẫn đến việc đấu giá đất, bán tài sản công gặp nhiều khó khăn.

- Một số doanh nghiệp chây ì, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế... nên hiệu quả thu hồi nợ chưa cao (trong đó nợ đọng thuế từ lĩnh vực xuất nhập khẩu đối với các khoản nợ khó thu, kéo dài, nhiều khoản nợ phát sinh trên 10 năm của các doanh nghiệp đã giải thể, phá sản chiếm đến 97%).

- Về thu xuất nhập khẩu: do dự toán trung ương giao cho tỉnh cao 6.000 tỷ đồng, tăng 37,7% (tương ứng 1.645 tỷ đồng) so với số thực hiện năm 2022, chưa đảm bảo phù hợp với thực tiễn trong khi hoạt động xuất nhập khẩu phụ thuộc và chịu sự tác động của các yếu tố, chính sách thương mại của Trung Quốc và các nước khác. Đồng thời năm 2023 phía Trung Quốc điều tiết xuất khẩu mỗi năm

---

<sup>39</sup> Như: Công ty cổ phần Kim loại màu Bắc Bộ mở rộng sản xuất dẫn đến thuế GTGT đầu vào tăng, số thuế còn được khấu trừ lớn, chưa phát sinh thuế GTGT phải nộp; Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành giảm sản lượng khai thác dẫn đến thuế tài nguyên giảm hơn so cùng kỳ 3,1 tỷ, thuế GTGT năm 2023 không phát sinh phải nộp do doanh nghiệp được khấu trừ thuế.

<sup>40</sup> Trong đó: giảm thuế GTGT đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ: giảm 4,7 tỷ đồng; thực hiện mức thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn của năm 2022 theo Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/07/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ảnh hưởng sang năm 2023: giảm 10,4 tỷ đồng; giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 theo Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ giảm 9,1 tỷ đồng/186 hồ sơ; thực hiện quy định về mức thuế Bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn theo Nghị quyết số 30/UBTVQH ngày 30/12/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giảm 130 tỷ đồng; gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, TNDN, TNCN và tiền thuê đất ước tính trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ giảm 109, 5 tỷ/373 người nộp thuế; thu lệ phí trước bạ đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô được sản xuất, lắp ráp trong nước theo Nghị định số 41/2023/NĐ-CP ngày 28/6/2023 của Chính phủ giảm 8,4 tỷ đồng/305 hồ sơ; giảm 2% thuế suất thuế GTGT (từ 01/7/2023 đến hết ngày 31/12/2023) theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ giảm 43,5 tỷ đồng; giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023 theo Quyết định số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ giảm 9,3 tỷ đồng.

hiệu ô tô qua cửa khẩu Hữu Nghị với hạn mức 10-15 xe/ngày, gây khó khăn cho các doanh nghiệp nhập khẩu đơn hàng lớn hơn 15 xe; bên cạnh đó dự kiến mặt hàng ô tô nhập khẩu sẽ giảm mạnh vào cuối năm 2023 do áp dụng thử nghiệm khí thải động cơ đánh giá COP nước ngoài, trong khi đó mặt hàng phương tiện vận tải là mặt hàng có số thu chiếm tỷ trọng lớn trong thu hoạt động xuất nhập khẩu. Việc áp dụng giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 Chính phủ quy định chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 làm giảm hầu hết các mặt hàng nhập khẩu thường xuyên như: phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng, số giảm thu do ảnh hưởng các chính sách khoảng 300 tỷ đồng.

### III. Về chi ngân sách

Tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới) thực hiện là 16.966.516 triệu đồng, đạt 124,8% dự toán Trung ương giao, đạt 123,8% dự toán tỉnh giao, cụ thể một số chỉ tiêu chi chủ yếu như sau:

#### 1. Chi đầu tư phát triển

UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; công tác chỉ đạo, điều hành có nhiều đổi mới, quyết liệt, bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh; tổ chức nhiều cuộc kiểm tra, giám sát trực tiếp các dự án và Chương trình MTQG để tập trung tháo gỡ các khó khăn vướng mắc, chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện; chủ động điều hòa kế hoạch vốn từ những dự án chậm tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các dự án khác có nhu cầu, khối lượng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công; tập trung hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để thực hiện các Chương trình MTQG; chỉ đạo quyết liệt trong công tác GPMB; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án nhất là dự án trọng điểm và Chương trình MTQG.

Nguồn thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh hụt thu so với dự toán giao; để đảm bảo nguồn lực thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, đảm bảo bằng nguồn tăng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu năm 2023.

Tổng số chi đầu tư phát triển thực hiện là 3.546.980 triệu đồng, đạt 91,4 % dự toán giao, tỷ lệ chi không đạt dự toán giao do tiến độ thực hiện thu tiền sử dụng đất chưa đạt kế hoạch đề ra nên chưa có nguồn để giải ngân cho các dự án (thu tiền sử dụng đất cấp tỉnh hụt thu 292.803 triệu đồng); việc triển khai thực hiện dự án chuẩn bị đầu tư, dự án khởi công mới còn chậm dẫn đến việc phân khai, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công còn chậm, đặc biệt là một số dự án thuộc các Chương trình MTQG<sup>41</sup>.

*1.1. Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực:*  
3.471.552 triệu đồng, đạt 90,7% dự toán tỉnh giao.

<sup>41</sup> Dự án thuộc các Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trường cao đẳng nghề Lạng Sơn.

\* **Một số lĩnh vực thực hiện đạt và vượt kế hoạch giao**, do trong số quyết toán bao gồm quyết toán chi từ nguồn tạm ứng năm trước theo chế độ chuyển sang, chi từ nguồn năm trước chuyển sang, chi từ nguồn vốn khác, cụ thể:

- Chi quốc phòng: 11.349 triệu đồng, đạt 233,5% dự toán giao do trong số quyết toán đã bao gồm cả vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ năm 2022 chuyển sang năm 2023 thanh toán khối lượng là 6.810 triệu đồng, trong đó: xây dựng trường bắn thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 2.599 triệu đồng; kinh phí giải phóng mặt bằng chốt chiến đấu dân quân thường trực biên giới xã Yên Khoái, huyện Lộc Bình 1.494 triệu đồng; kinh phí giải phóng mặt bằng dự án thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu của tiểu đoàn BB1, e123 2.717 triệu đồng.

- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 579.074 triệu đồng, đạt 396,5% dự toán giao, do trong số quyết toán đã bao gồm cả vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ năm 2022 chuyển sang năm 2023 thanh toán là 4.948 triệu đồng, vốn được kéo dài năm trước sang là 7.455 triệu đồng, chi Chương trình MTQG là 441.445 triệu đồng.

- Chi thể dục, thể thao: 4.724 triệu đồng, đạt 115,2% dự toán giao, do trong số quyết toán đã bao gồm chi Chương trình MTQG là 731 triệu đồng.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể 147.168 triệu đồng, đạt 100,4% dự toán giao.

\* **Một số lĩnh vực chi chưa đạt dự toán theo kế hoạch**, cụ thể: chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 33.654 triệu đồng, đạt 73,4% dự toán giao; chi y tế, dân số và gia đình: 188.469 triệu đồng, đạt 91,2% dự toán giao; chi văn hóa thông tin: 79.332 triệu đồng, đạt 60,4% dự toán giao<sup>42</sup>; chi bảo vệ môi trường: 8.358 triệu đồng, đạt 72,3% dự toán giao; Chi đảm bảo xã hội: 6.388 triệu đồng, đạt 99,7% dự toán giao; chi các hoạt động kinh tế: 2.403.867 triệu đồng, đạt 77% dự toán giao<sup>43</sup>;

Nguyên nhân do: Công tác tổng hợp, thẩm định, trình giao kế hoạch, phối hợp và hướng dẫn triển khai thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương chưa thực

<sup>42</sup> Do các dự án phải triển khai qua nhiều bước: phải xin ý kiến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các sở ngành, UBND các huyện, xã, cộng đồng dân cư nơi thực hiện tiêu dự án, cần có sự xem xét các yếu tố đặc trưng cần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa gắn với phát triển du lịch nên mất nhiều thời gian triển khai thực hiện; đơn vị tư vấn đủ năng lực tham gia không nhiều, cho nên một số dự án bị kéo dài tiến độ; Quy hoạch kế hoạch sử dụng đất các huyện, quy hoạch chung xây dựng xã đã được phê duyệt vì vậy có dự án chưa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

<sup>43</sup> Một số dự án được giao kế hoạch vốn lớn nhưng do vướng thủ tục chuẩn bị đầu tư chậm, ảnh hưởng giải phóng mặt bằng nên giải ngân thấp ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung và tiến độ thực hiện; do tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, nhiều dự án tổ chức bán đấu giá nhưng không có khách hàng tham gia, ảnh hưởng lớn đến nguồn thu từ sử dụng đất của tỉnh. UBND tỉnh đã điều chỉnh giảm 264.554 triệu đồng vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất năm 2023; đồng thời đã bổ sung 238.099 triệu đồng từ nguồn tăng thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu năm 2023 bù hụt thu nguồn đất. Nguồn vốn mới được bổ sung chưa kịp hoàn thiện các thủ tục để giải ngân thanh toán theo kế hoạch; một số dự án vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng. Các dự án vốn nước ngoài (ODA) giải ngân chậm do đặc thù về thủ tục quy định về nghiệm thu, thanh toán của Hiệp định vay, trình tự thủ tục thực hiện các dự án ODA rất phức tạp (thủ tục về đấu thầu phải xin ý kiến chấp thuận của nhà tài trợ, thủ tục rút vốn thông qua Ban QLDA trung ương....).

sự kịp thời, giải quyết vướng mắc cho địa phương, nhất là các thủ tục như: thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, điều chỉnh, gia hạn Hiệp định các dự án ODA. Một số dự án được giao kế hoạch vốn lớn nhưng do vướng thủ tục chuẩn bị đầu tư chậm, ảnh hưởng giải phóng mặt bằng nên giải ngân thấp ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân chung và tiến độ thực hiện<sup>44</sup>. Tình hình thị trường bất động sản trầm lắng, kinh tế - xã hội đang trên đà phục hồi chưa thu hút được các nhà đầu tư, người dân tham gia đấu giá theo kế hoạch ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện thu tiền sử dụng đất trong năm. Giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng có sự biến động khó dự báo ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động đầu tư xây dựng. Một bộ phận người dân bị thu hồi đất mặc dù đã được giải quyết đầy đủ quyền lợi theo quy định và hiểu về giá trị, lợi ích của dự án mang lại nhưng cố tình chây ì không chấp hành bàn giao mặt bằng, chưa có sẵn quỹ đất tái định cư; một số cơ chế chính sách còn vướng mắc chưa tháo gỡ kịp thời, trong quá trình khảo sát đề xuất chủ trương đầu tư chưa đánh giá khả năng cân bằng đào đắp, bố trí các vị trí đổ thải. Công tác quản lý hồ sơ địa chính trải qua các thời kỳ chưa được chặt chẽ, chưa liên tục dẫn đến việc tra cứu hồ sơ của các cơ quan để xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất làm căn cứ để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất còn khó khăn, mất nhiều thời gian; có dự án chậm do vướng mắc về thủ tục chuyển đổi đất trồng lúa, cập nhật danh mục vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định. Một số dự án<sup>45</sup> có tiến độ giải phóng mặt bằng chậm so với yêu cầu, chưa được giải quyết dứt điểm vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, có nội dung thực hiện còn chưa chặt chẽ, phát sinh đơn thư, kiến nghị của nhân dân, chưa bàn giao mặt bằng; một số dự án thực hiện công tác lập hồ sơ, kiểm đếm, trích đo còn chậm nên chưa phê duyệt được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

*1.2. Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật là 75.138 triệu đồng, đạt 142.1,% dự toán giao, do trong năm tăng nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách Xã hội chi nhánh tỉnh.*

*1.3. Chi đầu tư phát triển khác là 290 triệu đồng (huyện Văn Lãng: 290 triệu đồng<sup>46</sup>).*

## **2. Chi thường xuyên**

<sup>44</sup> Dự án Tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng theo hình thức BOT do vướng mắc trong thủ tục đầu tư, giao kế hoạch vốn trung hạn, tiến độ lập và hoàn thiện hồ sơ của của Nhà đầu tư đề xuất dự án chậm; Dự án Cải tạo, nâng cấp QL4B (đoạn Km3+700 đến Km18): Dự án hết thời gian bố trí vốn năm 2023, tuy nhiên do vướng mắc nhiều về giải phóng mặt bằng, dự kiến khó giải ngân hết kế hoạch vốn.

<sup>45</sup> Xây dựng mở mới tuyến liên xã từ trung tâm thị trấn Chi Lăng vào xã Y Tịch, huyện Chi Lăng; Khu tái định cư Phú Lộc IV - Điểm tái định cư tiếp giáp nút giao thông số 4 (giải phóng mặt bằng nút giao thông số 3); Đường dẫn vào khu tái định cư đường Lý Thái Tổ (kéo dài; Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng, huyện Hữu Lũng; Dự án Cải tạo nâng cấp QL4B đoạn Km3+700 đến Km18; Dự án Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28), huyện Cao Lộc; Nút giao cao tốc vào khu công nghiệp Hữu Lũng. Đường tránh ngập vào trung tâm các xã nghèo miền núi 30A: Đồng Thắng, Cường Lợi, Lâm Ca; bảo đảm an sinh xã hội và phục vụ an ninh - quốc phòng huyện Đình Lập).

<sup>46</sup> Đây là khoản chi trích hỗ trợ Quỹ Phát triển đất tỉnh.

Chi thường xuyên được điều hành trong phạm vi dự toán được giao, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng, phân bổ, giao dự toán đã bố trí ở các lĩnh vực chi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước. Cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được duyệt.

Ngay trong dự toán đầu năm đã chủ động sắp xếp đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương, tỉnh ban hành và các nhiệm vụ theo chương trình, đề án, nghị quyết của tỉnh với số tiền là 636 tỷ đồng. Ngân sách các cấp đã ưu tiên bố trí chi đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh, khắc phục hậu quả thiên tai, các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, chi cho các đối tượng hưởng lương, lương hưu và trợ cấp xã hội từ NSNN, chủ động nguồn thực hiện tăng mức lương cơ sở từ 1.490.000 đồng/tháng lên 1.800.000 đồng/tháng theo quy định từ 01/7/2023; phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản liên quan.

Các ngành chức năng, các huyện, thành phố triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đảm bảo mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; phấn đấu tiết kiệm chi thường xuyên. Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2022 - 2026<sup>47</sup>. Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng và đấu thầu dịch vụ công theo Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

Tổng chi thường xuyên thực hiện 8.988.985 triệu đồng, đạt 95,7% dự toán giao. Nguyên nhân chưa đạt dự toán do một số nhiệm vụ không thực hiện hoặc thực hiện không hết kinh phí điều chỉnh giảm trong năm 2023.

**\* Một số lĩnh vực thực hiện đạt và vượt dự toán giao do bổ sung** kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 Chính phủ và các nhiệm vụ khác phát sinh trong năm, như:

- Chi quốc phòng: 269.572 triệu đồng, đạt 125,2% dự toán. Số quyết toán tăng so với dự toán giao đầu năm do trong năm ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh<sup>48</sup>.

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: 133.916 triệu đồng, đạt 167,7% dự toán. Kinh phí quyết toán tăng do trong năm được bổ sung dự toán để thực hiện nhiệm vụ, cụ thể: kinh phí thực hiện Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã chính quy; kinh phí diễn tập phòng thủ; đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch

<sup>47</sup> Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh, UBND cấp huyện quyết định giao thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 778 đơn vị. Trong đó: đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư 04 đơn vị; đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên 19 đơn vị; đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên 46 đơn vị; đơn vị sự nghiệp do NSNN đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên 709 đơn vị.

<sup>48</sup> Như: kinh phí diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh, huyện năm 2023; cải tạo sửa chữa, nâng cấp các công trình đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; xây dựng đường kiểm tra cột mốc, bảo vệ biên giới; thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng phát sinh trong năm.

của tỉnh; thực hiện các nhiệm vụ phối hợp phát sinh trong năm theo kế hoạch của tỉnh.

- Chi sự nghiệp khoa học - công nghệ: 19.147 triệu đồng, đạt 123,4% dự toán trung ương giao, đạt 104,5% dự toán tỉnh giao. Số quyết toán tăng so với dự toán giao là do gồm cả kinh phí năm trước chuyển nguồn sang 4.282 triệu đồng và nguồn ngân sách tỉnh bố trí thêm để thanh toán nợ các đề tài dự án các năm trước chuyển sang, thực hiện các năm đã kết thúc và đề tài đang thực hiện (62 đề tài dự án) với tổng kinh phí 14.506,4 đồng<sup>49</sup>.

- Chi lĩnh vực y tế, dân số và gia đình: 856.300 triệu đồng, đạt 101,7% dự toán. Số quyết toán tăng so dự toán giao đầu năm do bổ sung trong năm cho các đơn vị thuộc ngành y tế thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh như: kinh phí thực hiện Nghị định số 05/2023/NĐ-CP ngày 15/02/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập và các nhiệm vụ khác.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 163.663 triệu đồng, đạt 100,4% dự toán. Kinh phí quyết toán tăng so dự toán giao đầu năm do bổ sung trong năm phát sinh kinh phí tổ chức các hoạt động Lễ Kỷ niệm 90 năm Ngày truyền thống Đảng bộ tỉnh Lạng Sơn (15/6/1933 - 15/6/2023); kinh phí thuê chuyên gia tư vấn xây dựng và phát triển công viên địa chất Lạng Sơn; Đoàn đại biểu tỉnh Lạng Sơn tham dự Hội nghị quốc tế về mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO lần thứ 10 tại Ma-rốc năm 2023...

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình: 55.131 triệu đồng, đạt 136,4% dự toán giao. Số quyết toán tăng so với dự toán là do các huyện bổ sung kinh phí thực hiện nâng lương thường xuyên, thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh đột xuất khác.

- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 26.982 triệu đồng, đạt 119,8% dự toán. Số quyết toán tăng so với dự toán là do trong năm các huyện bổ sung kinh phí hỗ trợ xây mới sân tập thể dục, thể thao cho các xã phần đầu hoàn thành xây dựng nông thôn mới và cho các xã, phường, thị trấn.

- Chi sự nghiệp môi trường: 118.058 triệu đồng, đạt 116,5% dự toán giao, nguyên nhân số quyết toán tăng so với dự toán là do bổ sung kinh phí chi thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý chất thải rắn đô thị từ nguồn chi khác và nguồn thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: 1.795.285 triệu đồng, đạt 117,2% dự toán tỉnh giao. Nội dung chi bao gồm: đảm bảo hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể; các chính sách chế độ, các đề án, kế hoạch và nhiệm vụ chính trị của tỉnh, các huyện, thành phố; thực hiện hỗ trợ, khuyến khích đào tạo và chính sách thu hút năm

---

<sup>49</sup> Trong đó: năm 2023 thực hiện 19 đề tài, dự án số kinh phí 3.969,4 triệu đồng; các năm trước chuyển tiếp sang năm 2023: năm 2022 thực hiện 12 đề tài dự án, kinh phí 6.368,4 triệu đồng; năm 2021 chuyển tiếp sang 9 đề tài, dự án, kinh phí 4.168,6 triệu đồng.

2023; chi trả chính sách tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi; hỗ trợ đối tượng dôi dư theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh; kinh phí trợ cấp lần đầu, chuyển vùng theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ, kinh phí chỉnh lý tài liệu...

**\* Một số lĩnh vực chi không đạt dự toán giao:**

- Chi sự nghiệp giáo dục: 3.853.299 triệu đồng, đạt 90% so với dự toán đầu năm giao, trong đó: một số chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chỉ được cấp có thẩm quyền giao và được bố trí kinh phí từ đầu năm 2023, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn dư do giảm quy mô, giảm giá trị thực hiện sau đấu thầu 9.044 triệu đồng; một số nhiệm vụ được cân đối dự toán nhưng không kịp triển khai thực hiện do không đảm bảo thời gian thực hiện quy trình đấu thầu 65.145 triệu đồng<sup>50</sup>. các nhiệm vụ hỗ trợ cơ sở vật chất, chi khác sự nghiệp giáo dục – đào tạo không triển khai phân bổ được với tổng kinh phí trên 200.000 triệu đồng.

- Chi các hoạt động kinh tế: 1.272.544 triệu đồng, đạt 97% dự toán giao, do một số nhiệm vụ không thực hiện hoặc thực hiện không hết, kinh phí điều chỉnh giảm trong năm 2023 trả lại ngân sách tỉnh.

- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 380.490 triệu đồng, đạt 94,6 % dự toán tỉnh giao. Kinh phí quyết toán trong năm giảm do một số nội dung chi giảm dự toán do không chi được như: kinh phí trợ cấp nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội: 800 triệu đồng, kinh phí tiếp nhận công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép do Trung Quốc trao trả theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND: 199 triệu đồng. Một số nội dung bị hủy dự toán: 3.666 triệu đồng.

- Chi khác ngân sách: 44.598 triệu đồng, đạt thấp là do một số nhiệm vụ sau khi thực hiện được quyết toán vào các lĩnh vực chi khác theo đúng nội dung chi (sự nghiệp kinh tế, quản lý hành chính, an ninh quốc phòng, văn hóa thể thao, đảm bảo xã hội...), trong đó:

+ Ngân sách cấp tỉnh là 120 triệu đồng, hỗ trợ Quỹ hỗ trợ phát triển nghề cá Khánh Hòa, thực hiện các Chương trình MTQG.

+ Ngân sách cấp huyện là 40.864 triệu đồng, bao gồm các nội dung chi: cấp bù chênh lệch lãi suất tiền vay ngân hàng thực hiện chính sách của tỉnh, hỗ trợ tri thức trẻ làm việc tại hợp tác xã, kinh phí khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn; chi hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính; kinh phí tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng cháy rừng, hỗ trợ hoạt động chống buôn lậu lâm sản; kinh phí ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay; kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG; hỗ trợ tổ chức kỳ thi trung học phổ thông quốc gia, hỗ trợ ngày thành lập trường; hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các cơ quan Trung ương;...

---

<sup>50</sup> Kinh phí trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, trang thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10, mua sắm trang thiết bị và kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi giáo dục và đào tạo khác.



+ Ngân sách xã là 3.614 triệu đồng, gồm các nội dung chi: thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19, công tác phòng, chống thiên tai; hỗ trợ các hội, đoàn thể xã, thị trấn một số nhiệm vụ chi chưa được bố trí trong dự toán đầu năm; một số nội dung chi khác chưa có trong chi tiêu theo quy định...

### **3. Chi các Chương trình MTQG<sup>51</sup>**

Tổng chi các Chương trình MTQG là 1.597.277 triệu đồng, đạt 82,3 % dự giao tỉnh giao, trong đó: vốn đầu tư phát triển 1.122.924 triệu đồng, đạt 105,48% dự toán tỉnh giao; vốn sự nghiệp 474.353 triệu đồng, đạt 54,1% dự toán tỉnh giao.

Chi tiết từng Chương trình như sau:

- Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 882.780 triệu đồng, đạt 74,27% dự toán tỉnh giao.

- Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 291.194 triệu đồng, đạt 84,4% dự toán tỉnh giao.

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 423.303 triệu đồng, đạt 104,01% dự toán tỉnh giao.

Trong năm 2023 các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố đã có nhiều nỗ lực, cố gắng trong việc thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn các Chương trình MTQG. Các khó khăn, vướng mắc cơ bản đã được tháo gỡ, nguồn vốn sự nghiệp đã có sự chuyển biến về giải ngân, đặc biệt 18/31 cơ quan, đơn vị khối tỉnh đã giải ngân đạt trên 90%, 02 huyện giải ngân đạt trên 45% vốn sự nghiệp.

Quyết toán chi các Chương trình MTQG đạt thấp so với dự toán do:

- Các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình được xây dựng rất chi tiết, đầy đủ theo từng ngành, lĩnh vực, bảo đảm tác động toàn diện đến tất cả các mặt của đời sống, tuy nhiên chưa đánh giá kỹ các biến số trong cả quá trình (giai đoạn 05 năm) thực hiện Chương trình, đặc biệt là phạm vi, đối tượng liên tục bị thu hẹp qua các năm.

- Khả năng tiếp nhận chính sách hỗ trợ của đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Hiện nay nhiều dự án, tiểu dự án thành phần không còn đối tượng "phù hợp" để thực hiện và giải ngân; đối tượng chính của 03 Chương trình là hộ nghèo, hộ cận nghèo người dân tộc thiểu số không có tư tưởng thoát nghèo, không đồng ý đối ứng theo quy định, các đối tượng trong độ tuổi lao động có xu hướng chuyển sang làm công nghiệp tại các tỉnh khác do đó mặc dù còn đối tượng tuy nhiên không có nhu cầu đào tạo, hỗ trợ; quy định về quay vòng một phần vốn, sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị,... chưa được người dân quan tâm thực hiện do tâm lý e ngại, duy trì sản xuất, tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chưa thoát khỏi tập quán sản xuất nhỏ lẻ, thuần nông trong phát triển sản xuất; phạm vi thực hiện bị thu hẹp do mục tiêu hằng năm lớn (tỷ lệ thoát nghèo hằng năm: 3%/năm, trung bình 5-7 xã

---

<sup>51</sup> Số quyết toán thực hiện theo Biểu mẫu số 62 - Thông tư 342/2016/TT-BTC đã được tổng hợp chi theo từng lĩnh vực tại mục chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên.

thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn/năm) không được tiếp tục thụ hưởng chính sách chương trình trong khi các tiêu chí dịch vụ xã hội cơ bản vẫn ở mức cao, đời sống người dân sau khi đã về đích theo kế hoạch chỉ đạt các tiêu chí cơ bản, không bền vững. Hệ lụy dẫn đến là giảm khả năng thực hiện và giải ngân (không còn đối tượng), các chỉ tiêu cụ thể của nhiều dự án, tiểu dự án thành phần dự kiến không đạt so với kế hoạch<sup>52</sup>.

- Hệ thống văn bản pháp lý triển khai thực hiện Chương trình MTQG lớn, quá trình giải quyết các mâu thuẫn, vướng mắc từ Trung ương còn chậm, đến nay vẫn có nội dung chưa được giải quyết gây khó khăn cho quá trình triển khai thực hiện của cơ sở<sup>53</sup>.

- Nhiều dự án/tiểu dự án (Dự án 3 - Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Dự án 5 – Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, hỗ trợ phát triển sản xuất...) giải ngân dựa trên kết quả trong khi đối tượng thụ hưởng là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, các doanh nghiệp, hợp tác xã vừa và nhỏ phụ thuộc vào tiến độ triển khai của đối tượng thụ hưởng.

- Một số huyện bố trí vốn đối ứng còn hạn chế, chưa đảm bảo tỷ lệ quy định tác động đến tiến độ thực hiện các dự án, nhiệm vụ và tiến độ bố trí và giải ngân nguồn vốn đối ứng.

- Việc rà soát, tổng hợp số liệu đầu kỳ của các cấp, ngành địa phương chưa dự báo chính xác sự biến động trong kỳ kế hoạch (các chỉ tiêu chính về tỷ lệ hộ nghèo, số xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới và các chỉ tiêu cụ thể như: diện tích rừng, nhu cầu đào tạo,...).

- Một bộ phận người dân nông thôn chưa thấy rõ vai trò chủ thể của mình trong thực hiện các Chương trình MTQG, chưa chủ động tham gia thực hiện các nội dung thuộc về trách nhiệm của người dân và cộng đồng dân cư.

- Một số cấp uỷ, chính quyền cơ sở chưa thể hiện rõ vai trò hạt nhân chính trị, năng lực lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ, năng lực của đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình, nhất là ở cấp cơ sở còn hạn chế, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt trong việc rà soát, hỗ trợ, vận động người dân tham gia các Chương trình MTQG, việc cụ thể hoá các dự án, nội dung thành phần của Chương trình vào thực tế của địa bàn.

---

<sup>52</sup> Cụ thể:

+ Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: (i) Số lượng hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất thuộc Dự án 1; (ii) số lượng diện tích thực hiện hỗ trợ khoán bảo vệ rừng, hỗ trợ khoanh nuôi tái sinh, hỗ trợ trồng rừng sản xuất,... thuộc Tiêu dự án 1 Dự án 3; (iii) chỉ tiêu về kho chứa lương thực, phòng quản lý học sinh bán trú, nội trú; phòng giáo dục văn hóa dân tộc, sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây,... thuộc Tiêu dự án 1 Dự án 5; các chỉ tiêu về số lượng lớp học, số lượt đào tạo, bồi dưỡng,... thuộc Tiêu dự án 2 Dự án 5; Số lượng hỗ trợ dinh dưỡng, thấp còi, đào tạo, tập huấn y tế,... thuộc Dự án 7;

+ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (đối tượng là hộ nghèo, cận nghèo): Số lượng các mô hình, dự án thuộc Dự án 2; số lượt đào tạo nghề thuộc Dự án 4, đối tượng hỗ trợ thông tin thuộc Dự án 6 đều không đủ đối tượng thực hiện.

<sup>53</sup> Nội dung về Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện không phải đối tượng của Chương trình thuộc Tiêu dự án 1 Dự án 4 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

- Việc đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG của các huyện chưa đảm bảo theo quy định.

#### **4. Chi trả nợ gốc, lãi vay theo quy định**

Chi trả nợ gốc, lãi vay thực hiện là 12.264 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn được giao. Hiện nay, tỉnh chỉ còn phát sinh dư nợ vay các dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ. Thực hiện theo các thỏa thuận/hợp đồng vay lại, việc trả nợ gốc, lãi bằng đồng tiền nhận nợ là tiền ngoại tệ, do đó tại thời điểm thực tế trả nợ có sự chênh lệch quy đổi tỷ giá giữa tiền ngoại tệ và tiền Việt Nam đồng. Trong đó:

- Chi trả nợ gốc các dự án vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ: 10.590 triệu đồng<sup>54</sup>.

- Chi trả nợ lãi vay thực hiện là 1.674 triệu đồng<sup>55</sup>.

#### **5. Khoản chi nộp ngân sách cấp trên**

Thực hiện là 373.100 triệu đồng, cụ thể:

- Ngân sách cấp tỉnh nộp Trung ương: 230.553 triệu đồng.

- Ngân sách huyện nộp ngân sách tỉnh: 130.441 triệu đồng.

- Ngân sách xã nộp ngân sách cấp huyện: 12.106 triệu đồng.

*(Đã thuyết minh tại khoản 2, mục II)*

#### **6. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính**

Thực hiện là 1.400 triệu đồng, được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm, bằng số Bộ Tài chính giao.

#### **7. Chi dự phòng ngân sách**

Chi dự phòng ngân sách quyết toán là 148.871 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp tỉnh là 65.260 triệu đồng<sup>56</sup>.

<sup>54</sup> Dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) là 2.020 triệu đồng; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn là 1.126 triệu đồng; dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 921 triệu đồng; dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 04 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình là 687 triệu đồng; dự án “Chuẩn bị dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn” - Hiệp định tài trợ số 2982 - VIE(COL) là 56 triệu đồng; dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn – Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn là 5.780 triệu đồng.

<sup>55</sup> Bao gồm: dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) là 463 triệu đồng; Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn là 262 triệu đồng; dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập là 120 triệu đồng; dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 04 huyện Cao Lộc, Tràng Định, Bình Gia, Lộc Bình là 44 triệu đồng; dự án “Chuẩn bị dự án hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Lạng Sơn” - Hiệp định tài trợ số 2982 - VIE (COL): 18 triệu đồng; dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn là 767 triệu đồng.

<sup>56</sup> Bao gồm: chi đầu tư xây dựng cơ bản: 10.500 triệu đồng; chi phòng, chống dịch Covid-19 là 2.443 triệu đồng; chi quốc phòng: 41.335 triệu đồng (trong đó chi diễn tập phòng thủ 36.368 triệu đồng); chi sự nghiệp kinh tế: 400 triệu đồng; chi phòng chống cháy rừng: 1.066 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội: 771 triệu đồng; chi khắc phục thiên tai là 8.745 triệu đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên: 4.967 triệu đồng.

- Ngân sách cấp huyện là 83.611 triệu đồng<sup>57</sup>.

## **8. Chi chuyển nguồn sang năm sau**

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác chi chuyển nguồn đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện Nghị quyết số 91/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021 và các quy định của pháp luật, UBND tỉnh đã ban hành văn bản<sup>58</sup> yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, sử dụng NSNN, hạn chế tối đa số chi chuyển nguồn; đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, các huyện, thành phố rà soát số liệu, thực hiện quyết toán ngân sách năm 2023 không để xảy ra tình trạng chuyển nguồn không đúng nhiệm vụ, không đúng trình tự, quy trình chuyển nguồn, hạch toán chuyển nguồn sai tiêu mục.

Tổng số chi chuyển nguồn ngân sách tỉnh năm 2023 sang năm 2024 bao gồm các nhiệm vụ chi phát sinh đặc thù như: kinh phí thực hiện các Chương trình MTQG là 888.376 triệu đồng (vốn đầu tư là 242.915 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 645.461 triệu đồng), chiếm 21,9% tổng kinh phí chuyển nguồn; kinh phí thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở 724.492 triệu đồng, chiếm 17,9% tổng kinh phí chuyển nguồn.

Chi chuyển nguồn của tỉnh thực hiện là 4.041.130 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh 2.839.175 triệu đồng; ngân sách cấp huyện 954.591 triệu đồng; ngân sách cấp xã 247.364 triệu đồng, cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển thực hiện chuyển sang năm sau theo quy định của Luật Đầu tư công: 1.494.403 triệu đồng, tăng 255.492 triệu đồng, bằng 120,6% cùng kỳ năm trước. Trong đó bao gồm: vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG theo quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền

---

<sup>57</sup> Bao gồm: kinh phí hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong cơ sở y tế giáo dục ngoài công lập bị ảnh hưởng do dịch Covid: 15 triệu đồng; chi phòng, chống dịch Covid-19 là 2.470 triệu đồng; chi phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi, dịch trên trâu bò 2 triệu đồng; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 526 triệu đồng; chi sự nghiệp y tế: 4.701 triệu đồng; chi quản lý hành chính 7.102 triệu đồng; chi an ninh, quốc phòng, diễn tập phòng thủ 24.918 triệu đồng; chi sự nghiệp kinh tế 19.482 triệu đồng; chi khắc phục hậu quả thiên tai 17.603 triệu đồng; chi đảm bảo xã hội: 296 triệu đồng; chi sự nghiệp khác 50 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa, thể thao 1.637 triệu đồng; chi phòng chống cháy rừng: 15 triệu đồng; chi khác ngân sách: 2.000 triệu đồng; chi bù hụt thu: 2.794 triệu đồng.

<sup>58</sup> Công văn số 1149/UBND-KT ngày 25/8/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 91/2023/QH15 của Quốc hội về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2021.

núi giai đoạn 2021 – 2030” là 229.478 triệu đồng; số dư tạm ứng chuyển nguồn sang năm sau là 854.291 triệu đồng<sup>59</sup>; chuyển nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương theo khoản 2 điều 68 Luật Đầu tư công là 410.634 triệu đồng.

- Chi mua sắm trang thiết bị đã đầy đủ hồ sơ, hợp đồng mua sắm ký trước ngày 31/12/2023: 38.091 triệu đồng, tăng 15.356 triệu đồng so với số chuyển nguồn năm 2022<sup>60</sup>.

- Nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội: 724.492 triệu đồng, tăng 10.582 triệu đồng so với số chuyển nguồn năm 2022, tương ứng tăng 1,5% so với cùng kỳ<sup>61</sup>.

- Kinh phí được giao tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan nhà nước; các khoản viện trợ không hoàn lại đã xác định cụ thể nhiệm vụ chi: 19.436 triệu đồng, tăng 3.780 triệu đồng, tương ứng tăng 24,2% so với cùng kỳ<sup>62</sup>.

- Các khoản dự toán được cấp có thẩm quyền bổ sung sau ngày 30/9/2023, không bao gồm các khoản bổ sung do các đơn vị dự toán cấp trên điều chỉnh dự toán đã giao của các đơn vị dự toán trực thuộc: 103.107 triệu đồng, giảm 39.559 triệu đồng, tương ứng giảm 27,7% so với cùng kỳ<sup>63</sup>.

- Kinh phí nghiên cứu khoa học bố trí cho các Đề tài, Dự án nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền quyết định đang trong thời gian thực hiện: 4.060 triệu đồng, giảm 222 triệu đồng, tương ứng giảm 5,2% so với cùng kỳ<sup>64</sup>.

- Các khoản tăng thu, tiết kiệm chi được sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền quyết định cho phép sử dụng vào năm sau: 999.990 triệu đồng.

- Kinh phí khác theo quy định của pháp luật: 657.551 triệu đồng, tăng 327.198 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước. Đây là vốn thực hiện các Chương trình MTQG ngân sách trung ương, ngân sách địa phương chuyển nguồn theo quy định tại Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai

---

<sup>59</sup> Đây là số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi do chưa nghiệm thu khối lượng hoàn thành một số dự án; do vướng mắc trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng các dự án; số dư tạm ứng chi phí tư vấn và chi phí khác do chưa có khối lượng hoàn thành.

<sup>60</sup> Kinh phí mua sắm trang thiết bị của Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế, Đài Phát thanh và Truyền hình, Ban Dân tộc, Trung tâm Y tế huyện Bình Gia.

<sup>61</sup> Kinh phí tiết kiệm 10% chi thường xuyên, tiết kiệm 35,40% số thu sự nghiệp; 70% tăng thu thực hiện năm 2023; nguồn năm trước chuyển sang; nguồn bổ sung từ tăng thu tiết kiệm chi tính bổ sung cải cách tiền lương...

<sup>62</sup> Kinh phí của các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn kinh phí tự chủ được giao trong năm 2023, chuyển nguồn để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

<sup>63</sup> Nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu cho các đơn vị sau ngày 30/9, do vậy các đơn vị chưa triển khai xong nhiệm vụ, nguồn kinh phí còn dư tiếp tục chuyển sang năm sau để thực hiện các nhiệm vụ mục tiêu đã giao.

<sup>64</sup> Kinh phí thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ.

đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

### **9. Một số hạn chế trong chi ngân sách**

- Một số chủ đầu tư chưa thực hiện đúng, hết vai trò, trách nhiệm và quyền hạn trong quản lý dự án theo quy định của pháp luật, chưa kịp thời chuẩn bị các thủ tục đầu tư dự án, tổ chức thi công, quản lý chất lượng, tiến độ, nhất là ở các huyện, thành phố. Việc triển khai thực hiện dự án chuẩn bị đầu tư, dự án khởi công mới<sup>65</sup>, công tác giải phóng mặt bằng, thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán dự án, thu hồi số vốn tạm ứng còn chậm.

- Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, đề án, kế hoạch từ nguồn vốn sự nghiệp đã được giao tại dự toán đầu năm của một số đơn vị chưa đạt tiến độ theo kế hoạch<sup>66</sup>; một số dự án chậm khởi công, chậm hoàn thành công tác nghiệm thu, thanh quyết toán. Công tác thẩm định giá, công tác đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ còn khó khăn; qua thanh tra vẫn còn có một số đơn vị chưa thực hiện đúng, đầy đủ định mức, tiêu chuẩn, chế độ, số kinh phí phải thu hồi, xuất toán, giảm chi còn lớn.

### **10. Nguyên nhân của hạn chế**

- Công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành đề hướng dẫn triển khai thực hiện giải quyết vướng mắc cho địa phương chưa thực sự kịp thời nhất là các thủ tục như: thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất lúa, triển khai thực hiện các Chương trình MTQG.

- Giá nhiên liệu, vật liệu xây dựng có sự biến động khó dự báo ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động đầu tư xây dựng.

- Vai trò, trách nhiệm của một số chủ đầu tư chưa cao, chưa toàn diện. Năng lực tổ chức thực hiện của cơ sở còn hạn chế.

- Nguồn vốn phân bổ hỗ trợ cho các Chương trình MTQG còn trùng lặp về đối tượng thực hiện. Việc huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các Chương trình MTQG từ các tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư và các doanh nghiệp còn hạn chế; nguồn lực, tốc độ huy động còn chậm so với nhu cầu vốn theo kế hoạch.

- Khó khăn trong việc tham gia của các công ty tư vấn thẩm định giá, chậm về tiến độ cùng với kết quả thẩm định chưa phù hợp, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện đấu thầu, mua sắm trang thiết bị giáo dục, y tế, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, các chương trình, đề án khác...; một số gói thầu không có đơn vị tham gia dự thầu, phải hủy thầu.

<sup>65</sup> Đặc biệt là một số dự án thuộc các Chương trình MTQG thuộc các Chủ đầu tư: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Trường cao đẳng nghề Lạng Sơn.

<sup>66</sup> Tổng kinh phí dự kiến không thực hiện được trong năm 2023 là 155,7 tỷ đồng, trong đó: Sở Giáo dục và Đào tạo 77,1 tỷ đồng; Sở Y tế 30,2 tỷ đồng; Sở Tài nguyên và Môi trường 9,7 tỷ đồng; Văn phòng Tỉnh ủy 8,6 tỷ đồng; kinh phí do giảm biên chế của các cơ quan đơn vị theo quyết định của cấp có thẩm quyền 8,1 tỷ đồng.

#### **IV. Cân đối ngân sách địa phương**

##### **1. Tổng thu NSNN trên địa bàn**

Số thực hiện là 7.807.885 triệu đồng, bao gồm:

- Thu nội địa: 2.681.979 triệu đồng.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 5.105.813 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 2.657 triệu đồng.
- Các khoản huy động, đóng góp: 17.436 triệu đồng.

##### **2. Tổng thu ngân sách địa phương**

Số thực hiện là 17.153.895 triệu đồng, cụ thể:

- Thu điều tiết ngân sách địa phương: 2.475.940 triệu đồng.
- Thu kết dư ngân sách năm 2022: 38.621 triệu đồng.
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang: 3.431.121 triệu đồng.
- Thu viện trợ: 2.657 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 11.045.500 triệu đồng, trong đó:
  - + *Thu bổ sung trong cân đối: 7.838.438 triệu đồng.*
  - + *Thu bổ sung có mục tiêu: 3.207.062 triệu đồng.*
- Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên: 142.547 triệu đồng.
- Vay của ngân sách cấp tỉnh: 17.509 triệu đồng.

##### **3. Tổng chi ngân sách địa phương**

Số thực hiện là 16.966.516 triệu đồng, bao gồm:

3.1. Chi trong cân đối: 16.593.416 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 3.546.980 triệu đồng.
- Chi trả nợ lãi, phí vay: 1.674 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 8.988.985 triệu đồng.
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1.400 triệu đồng.
- Chi viện trợ: 2.657 triệu đồng.
- Chi chuyển nguồn sang năm sau: 4.041.130 triệu đồng.
- Chi trả nợ gốc: 10.590 triệu đồng.

3.2. Chi nộp ngân sách cấp trên: 373.100 triệu đồng.

##### **4. Kết dư ngân sách: 187.379 triệu đồng.**

- Kết dư ngân sách cấp tỉnh: 175.195 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp huyện: 8.871 triệu đồng.
- Kết dư ngân sách cấp xã: 3.313 triệu đồng.

## **V. Tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước**

UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt các đơn vị được kiểm toán thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Thanh tra, Kiểm toán nhà nước, kết quả thực hiện:

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước từ năm 2017 trở về trước thực hiện trong năm 2023 là 53.365 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 179.067 triệu đồng;

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2018 thực hiện trong năm 2023 là 38.206 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 8.493 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2019 thực hiện trong năm 2023 là 5.219 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 8.130 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2020 thực hiện trong năm 2023 là 8.998 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 1.083 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2021 thực hiện trong năm 2023 là 123.330 triệu đồng, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 7.306 triệu đồng.

- Kiến nghị Kiểm toán nhà nước năm 2022 thực hiện trong năm 2023 là 172.610 triệu đồng, đạt 95,2% kiến nghị, số kiến nghị còn phải tiếp tục thực hiện là 8.709 triệu đồng.

## **VI. Tình hình thực hiện các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

Tổng số Quỹ tài chính ngoài NSNN hoạt động trên địa bàn tỉnh năm 2023 do các sở, ngành thuộc tỉnh quản lý là 07 quỹ, cụ thể: (1) Quỹ Phát triển đất; (2) Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; (3) Quỹ Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã; (4) Quỹ Hỗ trợ nông dân; (5) Quỹ Phòng chống thiên tai; (6) Quỹ Phòng chống tội phạm; (7) Quỹ Bảo vệ môi trường.

Về kinh phí thực hiện như sau:

- Tổng số dư nguồn đến 31/12/2022: 248.282 triệu đồng;

- Tổng nguồn vốn phát sinh: 124.428 triệu đồng;

- Tổng vốn đã sử dụng: 44.511 triệu đồng;

- Số dư nguồn đến 31/12/2023: 328.199 triệu đồng.

## **VII. Tình hình thu dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập**

Tổng số thu dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 là 823.359 triệu đồng, trong đó:

- Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 110.499 triệu đồng.

- Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 1.297 triệu đồng.

- Sự nghiệp y tế: 603.536 triệu đồng.

- Sự nghiệp văn hóa thông tin: 9.830 triệu đồng.

- Sự nghiệp phát thanh truyền hình: 7.797 triệu đồng.



- Sự nghiệp thể dục thể thao: 2.811 triệu đồng.
- Sự nghiệp kinh tế: 36.288 triệu đồng.
- Sự nghiệp bảo vệ môi trường: 9.698 triệu đồng.
- Sự nghiệp khác: 41.603 triệu đồng.

*(Có các biểu mẫu báo cáo theo quy định gửi kèm theo).*

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán nhà nước;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, KBNN tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM;
- Lưu: VT, KT(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đoàn Thanh Sơn**